

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2780 /QĐ-BGDDĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức điểm xét hưởng chính sách học bổng theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP đối với các năm tuyển sinh 2025 và 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức điểm xét hưởng chính sách học bổng theo từng nhóm ngành đào tạo đối với các năm tuyển sinh 2025 và 2026 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Mức điểm quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này được áp dụng để xác định người học thuộc nhóm không vượt quá 30% thí sinh có điểm cao nhất theo từng nhóm ngành quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3. Các cơ sở đào tạo căn cứ mức điểm ban hành kèm theo Quyết định này, Danh mục ngành đào tạo được áp dụng chính sách học bổng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 179/2026/NĐ-CP để xác định người học đủ điều kiện hưởng chính sách học bổng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; hiệu trưởng, giám đốc cơ sở đào tạo, người đứng đầu các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ (để phối hợp);
- Các cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo;
- Các cơ sở đào tạo các trình độ của GDĐH (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDĐH.



Lê Quân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC
MỨC ĐIỂM XÉT HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG
CÁC NĂM TUYỂN SINH 2025 VÀ 2026

(Áp dụng để xác định người học thuộc nhóm không vượt quá 30% thí sinh có điểm cao nhất theo từng nhóm ngành quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 179/2026/NĐ-CP)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Năm tuyển sinh 2025

STT	Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Mức điểm
1	Sinh học	74201	22,50
2	Sinh học ứng dụng	74202	22,50
3	Khoa học vật chất	74401	24,30
4	Khoa học trái đất	74402	22,50
5	Toán học	74601	24,10
6	Thống kê	74602	22,50
7	Máy tính	74801	24,30
8	Công nghệ thông tin	74802	22,50
9	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	75201	23,30
10	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75202	24,10
11	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường	75203	24,00
12	Vật lý kỹ thuật	75204	24,35
13	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	75205	22,50
14	Kỹ thuật mỏ	75206	22,50
15	Xây dựng	75802	22,50



2. Năm tuyển sinh 2026

STT	Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Mức điểm
1	Sinh học	74201	22,50
2	Sinh học ứng dụng	74202	22,50
3	Khoa học vật chất	74401	24,35
4	Khoa học trái đất	74402	22,50
5	Toán học	74601	23,60
6	Thông kê	74602	22,50
7	Máy tính	74801	23,85
8	Công nghệ thông tin	74802	22,50
9	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	75201	23,60
10	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75202	24,35
11	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường	75203	23,95
12	Vật lý kỹ thuật	75204	24,35
13	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	75205	22,50
14	Kỹ thuật mỏ	75206	22,50
15	Xây dựng	75802	22,50



